

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 136 /QĐ-CDVL ngày 23 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Long)

Ngành đào tạo: BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành: 6620116

Vĩnh Long, 2020

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: **BẢO VỆ THỰC VẬT**

Mã ngành, nghề: 6620116

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG.

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY.

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2,5 năm (năm học).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn ngành Bảo vệ thực vật tương đối hoàn chỉnh về đất trồng, phân bón, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng; có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn và thực nghiệm sâu về sâu hại, bệnh hại cây trồng và các biện pháp quản lý phòng trừ sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng; có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo trong chuyên ngành Bảo vệ thực vật; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp; có khả năng tự học tập bồi dưỡng để chuyển đổi nghề nghiệp hoặc học đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;

- Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;
- Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;

- Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;
- Phân tích được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

- Trình bày được các phương pháp khuyến nông, bảo vệ môi trường và hướng dẫn về sản xuất bền vững;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong nông nghiệp, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng;

- Trình bày được các phương pháp bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng;

- Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

- Trình bày được các kiến thức liên quan đến phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm và đảm bảo an toàn thí nghiệm;

- Trình bày được các kiến thức về kiểm định thuốc và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

* Về kỹ năng:

Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

- Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

- Lập được kế hoạch phòng trừ sinh vật hại cây trồng định kỳ, đột xuất;

- Tổ chức bố trí thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

- Thực hiện được công tác khuyến nông liên quan đến bảo vệ thực vật;

- Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

- Quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn;

- Thực hiện được quy trình phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm;

- Thực hiện được quy trình kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, kỹ năng lao động nghề nghiệp, có khả năng làm việc theo nhóm;

- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn cập nhật thông tin..

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều tra sinh vật hại;

- Dự tính, dự báo sinh vật hại;

- Phòng trừ sinh vật hại;

- Kỹ thuật canh tác cây trồng;

- Khuyến nông bảo vệ thực vật;

- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;

- Khảo nghiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;

- Kiểm dịch thực vật;

- Phân tích, giám định dịch hại;

- Kiểm định phân bón và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 43.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 99 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ.

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1935 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 736 giờ (31,1%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.634 giờ (68,9%).

3. Nội dung chương trình

TT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I. Các học phần chung:			19	435	157	255	23
1	DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	DT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	DT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
5	DT6005	Tin học	3	75	15	58	2
6	DT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
II. Các môn học, mô đun chuyên môn:			80	1935	579	1295	61
II.1 Môn học, mô đun cơ sở			27	600	210	368	22
7	NN69901	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	8	2
8	NN6102	Sinh lý thực vật	3	60	30	28	2
9	NN6103	Giống cây trồng	3	75	15	58	2
10	NN6104	Đất trồng - Phân bón	3	75	15	58	2
11	NN6105	Thống kê - Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	45	15	28	2
12	NN6106	Quản lý cỏ dại	3	60	30	28	2
13	NN6107	GAP & nông nghiệp hữu cơ	3	60	30	28	2
14	NN6108	Khí tượng nông nghiệp	2	45	15	28	2
15	NN6109	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	2	45	15	28	2
16	NN6110	Thuỷ nông	2	45	15	28	2
17	NN6111	Vi sinh nông nghiệp đại cương	2	45	15	28	2
18	NN6112	Hệ thống nông nghiệp	2	45	15	28	2
II.2 Môn học, mô đun chuyên môn			43	1020	324	663	33
19	NN6113	Thuốc bảo vệ thực vật	3	75	15	58	2
20	NN6114	Bệnh cây trồng	3	75	15	58	2
21	NN6115	Côn trùng nông nghiệp	3	75	15	58	2
22	NN6116	Khuyến nông	2	45	15	28	2
23	NN6117	Quản lý dịch hại tổng hợp	3	90	30	58	2
24	NN6118	Kiểm dịch thực vật	2	30	22	6	2
25	NN6119	Điều tra dự tính dự báo dịch hại	3	60	30	28	2
26	NN6120	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	2	45	15	28	2
27	NN6121	Kiểm soát dư lượng thuốc	1	15	10	4	1

TT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
		BVTV					
28	NN6122	Cây lương thực	2	45	15	28	2
29	NN6123	Phòng trừ sinh học trong bảo vệ thực vật	2	45	15	28	2
30	NN6124	Động vật hại nông nghiệp	2	45	15	28	2
31	NN6125	Cây rau & trồng rau không cần đất	3	60	30	28	2
32	NN6126	Công nghệ sản xuất nấm	3	60	30	28	2
33	NN6127	Công nghệ phân bón	2	45	15	28	2
34	NN6128	Pháp luật chuyên ngành	2	30	22	6	2
35	NN6129	Công nghệ sinh học trong BVTV	2	45	15	28	2
36	NN6130	Thực tập ngoại khóa	1	45	0	45	0
37	NN6131	Thực tập nghề nghiệp (3-6 tuần)	2	90	0	90	0
II.3	Chọn 6 trong 12 tín chỉ		6	135	45	84	6
38	NN6132	Cơ khí nông nghiệp	2	45	15	28	2
39	NN6133	Kinh tế nông nghiệp và PTNT	2	45	15	28	2
40	NN6134	Cây công nghiệp	2	45	15	28	2
41	NN6135	Cây ăn trái	2	45	15	28	2
42	NN6136	An toàn lao động trong sản xuất nông nghiệp	2	45	15	28	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp		4	180		180	0
43	TN6000	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	4	180		180	0
Cộng toàn khóa			99	2370	736	1550	84

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

+ Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1

+ Kiểm tra định kỳ: hệ số 2

+ Điểm trung bình kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ *2)]/3

+ Thi kết thúc môn học

+ Điểm TB cuối môn = (trung bình kiểm tra * 0.4) + (Điểm thi kết thúc môn học * 0.6)

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 - 10,0	A	4,0
8,0 - 8,4	B+	3,5

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
0,0 - 3,9	F	0,0

4.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện Chương II (Điều 19 - 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm ché hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

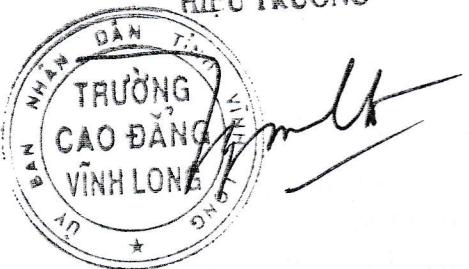
- Người học phải học hết chương trình đào tạo và tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì sẽ được xét công nhận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu theo quy định của trường.

PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

NIÊU TRƯỞNG



ThS. Trần Minh Cố

TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Phong